



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

06(80) 2022

ISSN 1859-2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Hoàng Hồng Hiệp

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hóa

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BIÊN TẬP TRỊ SỰ

ThS. Châu Ngọc Hòe

CN. Lưu Thị Diệu Hiền

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 2 tháng 1 kỳ

Số 06 năm 2022

Năm thứ mười lăm

Mục lục

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam: Tư duy đột phá và sáng tạo của Đảng ta <i>Nguyễn Quang Bình</i>	3
Nhận thức và hành vi của người nội trợ trong giảm thiểu sử dụng túi nhựa dùng một lần: Nghiên cứu trường hợp các tỉnh duyên hải miền Trung <i>Lê Chí Công, Phan Nguyễn Hoài Nhã, Nguyễn Đức Tân, Lê Đức Tâm</i>	10
Phát triển ngành khai thác thủy sản thành phố Đà Nẵng <i>Hoàng Hồng Hiệp, Châu Ngọc Hòe</i>	19
Phát triển thương hiệu nước mắm của làng nghề truyền thống Nam Ô, thành phố Đà Nẵng <i>Phạm Quốc Trí</i>	27
Thực hiện chính sách phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng: Thực trạng và một số vấn đề đặt ra <i>Vũ Thị Ngọc</i>	38
Tình hình thiên tai, dịch bệnh dưới triều Nguyễn (1802-1840) - khảo cứu qua Châu bản triều Nguyễn <i>Lê Thị Huyền</i>	48
Sự ảnh hưởng của trường phái kịch Aristote đến kịch Việt Nam 1945 – 1975 <i>Phạm Ngọc Hiền</i>	59
Đặc điểm cấu trúc - hình thái và ngữ nghĩa của thành ngữ tiếng Việt có từ “ăn” <i>Hoàng Thị Yến</i>	66

Giấy phép xuất bản số 104/GP – BTTTT cấp ngày 22 tháng 4 năm 2013

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 250 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 06 năm 2022

In tại Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Đà Nẵng

Số 2, Lý Thường Kiệt - P. Thạch Thang - Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng * ĐT: 0236.3821038; Nộp lưu chiểu tháng 11/2022

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Bimonthly Review

No. 06, 2022

The 15th Year

Contents

Socialist-oriented market economy in Vietnam: Breakthrough and creative thinking of the Communist Party of Vietnam <i>Nguyen Quang Binh</i>	3
The perception and behaviors of housewives in reducing the use of single-use plastic bags: A case study of Central coastal provinces <i>Le Chi Cong, Phan Nguyen Hoai Nha, Nguyen Duc Tan, Le Duc Tam</i>	10
Fisheries in Da Nang city <i>Hoang Hong Hiep, Chau Ngoc Hoe</i>	19
Promoting the fish sauce brand name of Nam O traditional craft village in Da Nang <i>Pham Quoc Tri</i>	27
Classification of domestic solid waste at source in Hai Chau district, Da Nang city: The real situation and problems <i>Vu Thi Ngoc</i>	38
Natural disasters and epidemics under the Nguyen dynasty (1802-1840) – A study through the Nguyen dynasty's imperial archives <i>Le Thi Huyen</i>	48
The impact of Aristotelian dramas to Vietnamese dramas during 1945 – 1975 <i>Pham Ngoc Hien</i>	59
Structural - morphological and semantic features of Vietnamese idioms containing the word "eating" <i>Hoang Thi Yen</i>	66

Phát triển ngành khai thác thủy sản thành phố Đà Nẵng

Hoàng Hồng Hiệp

Châu Ngọc Hòa

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

Email liên hệ: chaungochoe01@gmail.com

Tóm tắt: Ngành khai thác thủy sản là hoạt động sinh kế rất quan trọng của cộng đồng ngư dân ven biển của thành phố Đà Nẵng. Thời gian qua, ngành thủy sản đã đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, nhất là nâng cao đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng ngư dân ven biển. Tuy nhiên, ngành khai thác thủy sản trên địa bàn thành phố đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển, nhất là trong bối cảnh nguồn lợi thủy sản suy giảm mạnh cả ngư trường gần bờ và xa bờ. Trong khi đó, các phương tiện khai thác có công suất lớn của thành phố ngày càng nâng lên, chính vì vậy ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả khai thác của ngư dân. Nghiên cứu này tập trung phân tích thực trạng phát triển ngành khai thác thủy sản ở thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua. Từ đó, đề xuất một số giải pháp phát triển bền vững ngành khai thác thủy sản của thành phố trong thời gian tới.

Từ khóa: khai thác thủy sản, sinh kế, ngư dân, ven biển, Đà Nẵng.

Fisheries in Da Nang city

Abstract: Fisheries are vital livelihood activities of the coastal fishing community in Da Nang city. Over the past time, the fishing industry has made an important contribution to the city's socio-economic development, especially improving the coastal fishing community's life. However, the industry has been facing various difficulties and challenges, particularly in the context of a sharp decline in aquatic resources in both nearshore and offshore fishing grounds. Meanwhile, the city's large-capacity fishing vehicles are increasing, strongly affecting the fishing efficiency. This study focuses on analyzing the situation of the fishing industry in Da Nang city in recent years, thereby proposing solutions to sustainable development of the industry in the coming time.

Keywords: Fisheries, livelihood, fishermen, coastal area, Da Nang.

Ngày nhận bài: 10/10/2022

Ngày duyệt đăng: 20/11/2022

1. Đặt vấn đề

Đà Nẵng là thành phố ven biển trực thuộc Trung ương, có nhiều tiềm năng và lợi thế trong phát triển kinh tế biển, nhất là kinh tế thủy sản. Để khai thác hiệu quả tài nguyên biển của thành phố Đà Nẵng và triển khai thực hiện Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, Thành ủy thành phố Đà Nẵng đã ban hành Chương trình hành động số 13-CT/TU ngày 15-5-2007 về thực hiện Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 với quan điểm: "Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trung tâm kinh tế biển có tốc độ phát triển cao trên cơ sở phát triển kinh tế, xã hội đi đôi với bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững. Phát triển kinh tế biển gắn kết chặt chẽ với quốc phòng, an ninh, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền vùng biển,

đảo đất nước". Ngày 18-9-2017, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5245/QĐ-UBND phê duyệt Đề án Phát triển ngành kinh tế biển thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm kinh tế biển mạnh của vùng duyên hải miền Trung, là một trong ba trung tâm kinh tế biển lớn của Việt Nam.

Trong thời gian qua, ngành khai thác thủy sản của thành phố Đà Nẵng đã có những bước phát triển tốt, thành phố tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân vươn khơi khai thác thủy sản: ban hành và triển khai Nghị quyết số 255/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố quy định chính sách hỗ trợ phát triển khai thác hải sản trên địa bàn thành phố giai đoạn 2019-2025; Quyết định số 4991/QĐ-UBND về «Đề án giảm số lượng phương tiện nghề cá loại công suất nhỏ hơn 20CV (tàu cá, thuyền thúng gắn máy) trên địa bàn TP. Đà Nẵng giai đoạn 2016-2020»; Triển khai quyết liệt các chính sách phát triển thủy sản theo tinh thần Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg và Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; khởi công Dự án nâng cấp, mở rộng cảng cá Thọ Quang nhằm phát triển đồng bộ hạ tầng dịch vụ nghề cá và triển khai các hạng mục của dự án theo hướng hiện đại, sinh thái, thương mại;... Tuy nhiên, hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn thành phố trong bối cảnh hiện nay vẫn đối mặt với nhiều vấn đề thách thức cần tập trung giải quyết, nhất là thu nhập, đời sống, lao động, hiệu quả kinh tế ngư nghiệp trong bối cảnh nguồn lợi thủy sản suy giảm mạnh, ngư trường bị thu hẹp, rủi ro thiên tai gia tăng,... Do đó, nghiên cứu thực trạng phát triển ngành khai thác thủy sản thành phố trong thời gian qua và đề xuất một số giải pháp phát triển bền vững ngành thủy sản của thành phố là cần thiết, cấp thiết.

Sử dụng nguồn dữ liệu thứ cấp từ niên giám thống kê của thành phố qua các năm, các báo cáo kinh tế xã hội của thành phố và nguồn dữ liệu sơ cấp được thu thập từ kết quả điều tra 300 hộ gia đình ngư dân khai thác thủy sản ở 10 phường thuộc 05 quận (Liên Chiểu, Thanh Khê, Hải Châu, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn) trong thời gian tháng 4-6/2022, nghiên cứu này tập trung phân tích thực trạng phát triển ngành khai thác thủy sản ở thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua.

2. Tình hình phát triển ngành khai thác thủy sản thành phố Đà Nẵng

2.1. Quy mô, ngành nghề khai thác thủy sản

Tính đến năm 2021, toàn thành phố có 1.788 phương tiện khai thác thủy sản, tăng 91 phương tiện so với năm 2015. Số phương tiện có công suất từ 90CV trở lên trên địa bàn thành phố tăng mạnh, nếu như 2015 toàn thành phố chỉ có 335 phương tiện có công suất từ 90CV trở lên thì đến năm 2021 tăng lên 616 phương tiện. Đặc biệt, các phương tiện có công suất từ 400 CV trở lên tăng mạnh trong thời gian vừa qua. Tính đến năm 2021, số phương tiện từ 400 CV trở lên đạt 517 chiếc, tăng 119 chiếc so với năm 2017 (Cục Thống kê Đà Nẵng, 2021). Tuy vậy, số phương tiện khai thác thủy sản có công suất lớn hiện nay vẫn có sự giảm nhẹ so với năm 2019 (698 phương tiện có công suất từ 90CV trở lên). Số phương tiện có công suất nhỏ có xu hướng giảm so với năm 2015. Tính đến năm 2021, toàn thành phố chỉ còn 1.172 phương tiện dưới 90CV, trong đó có 838 phương tiện dưới 20CV. Như vậy, ngành khai thác thủy sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã có sự phát triển phù hợp trong thời gian qua theo hướng tăng cường lực khai thác thủy sản xa bờ, giảm cường lực khai thác gần bờ.

Về công suất phương tiện, tính đến năm 2021 tổng công suất máy của các phương tiện khai thác đạt trên 369,1 nghìn CV, tăng hơn 201 nghìn CV so với năm 2015, bình quân đạt 14%/năm. Trong đó, công suất phương tiện từ 90CV trở lên tăng mạnh từ 141,6 nghìn CV năm 2015 lên 347 nghìn CV năm 2021. Đặc biệt, công suất của các phương tiện khai thác xa

bờ từ 400 CV trở lên tăng mạnh và đạt 322,7 nghìn CV vào năm 2021, bình quân giai đoạn 2017-2021 đạt 8,6%/năm. Tính đến thời điểm 2021, các phương tiện có công suất từ 90CV trở lên chiếm 34,5%, trong đó từ 400 CV trở lên chiếm 28,9% tổng số phương tiện khai thác toàn thành phố (Cục Thống kê Đà Nẵng, 2021). Như vậy, cả về công suất và phương tiện từ 90CV trở lên của thành phố Đà Nẵng đều tăng đáng kể trong thời gian qua.

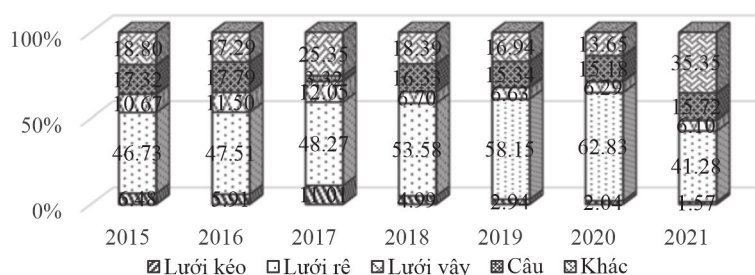
Bảng 1. Số phương tiện, công suất tàu thuyền trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2017	2019	2020	2021
1	Tổng số phương tiện	Chiếc	1.697	1.444	1.871	1.765	1.788
	Dưới 90CV	Chiếc	1.362	934	1.173	1.127	1.172
	Từ 90 CV trở lên	Chiếc	335	510	698	638	616
	Trong đó từ 400 CV trở lên	Chiếc	-	398	542	539	517
2	Công suất phương tiện	Nghìn CV	167,9	227,9	399,6	387,5	369,1
	Dưới 90CV	Nghìn CV	26,3	20,6	21,8	21,7	22,0
	Từ 90CV trở lên	Nghìn CV	141,6	257,3	377,7	365,8	347,1
	Trong đó, từ 400 CV trở lên	Nghìn CV	-	232,1	342,9	341,0	322,7

(Nguồn: Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng, 2021)

Về ngành nghề, hoạt động khai thác thủy sản của ngư dân Đà Nẵng chủ yếu là các nghề lưới rê, với 62,38% phương tiện năm 2020 và giảm xuống còn 41,28% năm 2021. Trong năm 2021, số phương tiện hoạt động trong nghề lưới rê giảm mạnh một phần là do nguồn lợi thủy sản suy giảm, nên nhiều phương tiện chuyển đổi ngành nghề, đa nghề để nâng cao hiệu quả kinh tế. Các nghề khai thác thủy sản khác có tỷ lệ khá thấp như lưới kéo chỉ còn 1,57% phương tiện, giảm mạnh so với năm 2015 (6,48%), nếu như năm 2015 có đến 110 phương tiện làm nghề lưới kéo thì đến năm 2021 chỉ còn 28 phương tiện; nghề lưới cũng có xu hướng giảm từ 10,67% số phương tiện năm 2015, chỉ còn 6,1% số phương tiện năm 2021 (109 phương tiện); nghề câu có xu hướng giảm nhẹ giai đoạn 2015-2021; trong khi đó, các ngành nghề khác có sự biến động nhất định trong thời gian qua. Điều này phụ thuộc vào sự biến đổi nguồn lợi thủy sản, hiệu quả khai thác mà các ngư dân chuyển đổi linh hoạt để nâng cao hiệu quả sản xuất. Đặc biệt, các phương tiện khai thác gần bờ có thể dễ dàng chuyển đổi nghề khai thác cho phù hợp và kết hợp đa nghề trong hoạt động khai thác thủy sản.

Hình 1. Cơ cấu phương tiện theo ngành nghề hoạt động của ngư dân thành phố Đà Nẵng

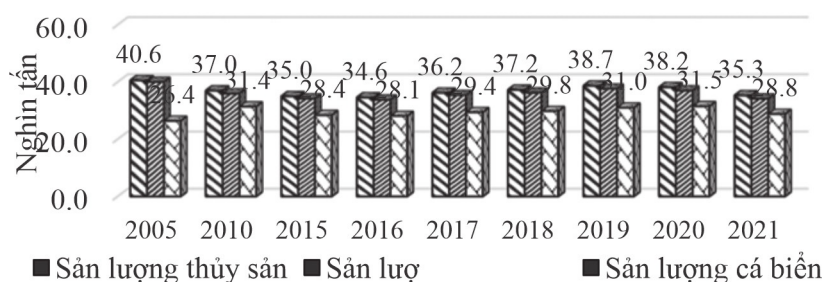


(Nguồn: Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng, 2021)

2.2. Sản lượng, doanh thu và lợi nhuận khai thác thủy sản

Năm 2021, sản lượng khai thác thủy sản toàn thành phố Đà Nẵng đạt 34,1 nghìn tấn, giảm gần 2 nghìn tấn so với năm 2010 và tương đương với sản lượng thủy sản khai thác của thành phố thời điểm năm 2015 (Tổng cục Thống kê, 2021). Điều này cho thấy, trong bối cảnh nguồn lợi thủy ngày càng suy giảm, số lượng phương tiện khai thác tăng lên, hàm ý quy mô sản lượng trung bình của các phương tiện suy giảm. Đặc biệt, ở những thời điểm dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp, giá xăng dầu tăng cao trong đầu năm 2021, nguồn lợi thủy sản suy giảm mạnh đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động khai thác thủy sản của ngư dân. Sản lượng khai thác giảm cũng tạo ra nguy cơ suy giảm hiệu quả khai thác của ngư dân khi mà chi phí sản xuất ngày càng tăng. Nghiên cứu của Châu Ngọc Hòe và cộng sự (2022) cũng chỉ ra rằng, sản lượng cao sẽ giúp các hộ gia đình ngư dân quận Sơn Trà cải thiện thu nhập. Thực tế cho thấy, sản lượng khai thác chung của toàn thành phố giai đoạn 2010-2021 có sự suy giảm (hình 2) song số lượng phương tiện khai thác tăng, điều này hàm ý hiệu quả khai thác hải sản bình quân có sự suy giảm.

Hình 2. Sản lượng thủy sản thành phố Đà Nẵng



(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2022)

Bảng 2 cho thấy sự suy giảm mạnh của sản lượng khai thác bình quân phương tiện và công suất. Đặc biệt, nếu tính trên đơn vị công suất máy thì sản lượng giảm rất mạnh. Theo đó, năm 2015 bình quân sản lượng khai thác trên phương tiện là 20,1 tấn và sản lượng cá biển là 16,7 tấn; đến năm 2021 thì sản lượng khai thác trung bình trên phương tiện giảm xuống còn 19,1 tấn và sản lượng cá biển chỉ còn 16,1 tấn. Nếu tính bình quân trên đơn vị công suất máy của phương tiện khai thác, thì sản lượng bình quân trên công suất giảm $\frac{1}{2}$ so với năm 2015.

Bảng 2: Sản lượng thủy sản bình quân của ngư dân Đà Nẵng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Sản lượng khai thác/ phương tiện	Tấn	20,1	21,0	24,5	21,3	20,1	21,0	19,1
2	Sản lượng cá biển/ phương tiện	Tấn	16,7	17,5	20,4	17,5	16,6	17,8	16,1
3	Sản lượng khai thác/CV	Kg	203,5	152,2	127,3	101,1	94,2	95,5	92,5
4	Sản lượng cá biển/CV	Kg	169,1	126,6	105,8	83,2	77,6	81,3	78,0

(Nguồn: Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng, 2021)

Kết quả điều tra của ISSCR (2022) cho thấy, tại thời điểm năm 2021 doanh thu bình quân hàng năm của các phương tiện khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh đạt 71,1 triệu đồng/phương tiện/chuyến đi biển, trong đó xa bờ đạt 172,2 triệu đồng và gần bờ là 2,56 triệu đồng; chi phí trung bình cho mỗi chuyến đi biển của các phương tiện là 28,1 triệu đồng, trong đó xa bờ là 68,2 triệu đồng và gần bờ là 0,92 triệu đồng; lợi nhuận bình quân đạt 43 triệu đồng/phương tiện/chuyến và cả năm đạt 465,9 triệu đồng/phương tiện. Trong đó, lợi nhuận của phương tiện hoạt động khai thác xa bờ đạt 104 triệu đồng/chuyến và bình quân cả năm đạt 858,7 triệu đồng/phương tiện; gần bờ có lợi nhuận thấp hơn với 1,64 triệu đồng/chuyến và bình quân một năm đạt 199,7 triệu đồng/phương tiện. Như vậy, hoạt động khai thác xa bờ cho doanh thu và tổng lợi nhuận cao hơn khai thác gần bờ. Tuy nhiên, sau khi trừ đi chi phí chia cho lao động thì thu nhập của lao động được tạo ra là rất thấp, trung bình từ 35 triệu đồng đến 60 triệu đồng/năm. Trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay của thành phố Đà Nẵng, thì thu nhập của lao động ngư nghiệp như vậy là rất thấp, điều này đang đặt ra thách thức cho phát triển bền vững ngành khai thác thủy sản của thành phố, nhất là vấn đề lao động ngư nghiệp. Thực tế phỏng vấn sâu ngư dân cho thấy, hoạt động khai thác thủy sản xa bờ duy trì được hiện nay một phần nhờ vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, nhất là hỗ trợ nhiên liệu theo Quyết định 48/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ. Kết quả khảo sát hiệu quả sản xuất của hoạt động khai thác thủy sản cho thấy, có đến 40,27% ngư dân đánh giá ở mức trung bình; 38,5% ngư dân đánh giá ở mức tốt và rất tốt; Tuy nhiên vẫn còn đến 21,24% số ngư dân nhận định hoạt động khai thác thủy sản hiện nay có hiệu quả kém và rất kém.

Bảng 3: Một số chỉ tiêu trong hoạt động khai thác thủy sản của ngư dân

TT	Nội dung	ĐVT	Chung	Xa bờ	Gần bờ
1	Doanh thu trung bình/phương tiện/chuyến	Triệu đồng	71,1	172,2	2,56
2	Chi phí trung bình/chuyến (chưa bao gồm công)	Triệu đồng	28,1	68,2	0,92
3	Lợi nhuận/chuyến (chưa bao gồm công)	Triệu đồng	43,0	104,0	1,64
4	Lợi nhuận/phương tiện/năm	Triệu đồng	465,9	858,7	199,7

(Nguồn: Kết quả điều tra của ISSCR, 2022)

2.3. Về ngư trường, công nghệ khai thác thủy sản, hạ tầng nghề cá

Hiện nay, thành phố Đà Nẵng đang sở hữu số lượng lớn đội tàu công suất nhỏ khai thác vùng gần bờ (65,55% số phương tiện có công suất dưới 90 CV). Trong khi đó, ngư trường chính của các phương tiện khai thác xa bờ là khu vực Hoàng Sa, Trường Sa. Sản lượng khai thác thủy sản xa bờ chủ yếu từ các quận Sơn Trà, Thanh Khê, Hải Châu. Trong khi đó, quận Liên Chiểu và Ngũ Hành Sơn còn rất ít các phương tiện khai thác xa bờ.

Về công nghệ khai thác, kết quả điều tra cho thấy, hầu hết ngư dân đều đánh giá công nghệ khai thác hiện ở mức trung bình trở lên, trong đó đánh giá về chất lượng máy móc, tàu thuyền, ngư lưới cụ có xu hướng tốt hơn là công nghệ khai thác và bảo quản. Theo đó, có đến 57,89% ngư dân đánh giá chất lượng máy móc, tàu thuyền là tốt và rất tốt; 67,4% ngư dân đánh giá chất lượng ngư lưới cụ là tốt và rất tốt; 41,78% ngư dân cho rằng công nghệ khai thác là tốt và rất tốt; 45,79% cho rằng công nghệ bảo quản là tốt và rất tốt. Sự đánh giá cao của ngư dân đối với máy móc, thiết bị, ngư lưới cụ là nhờ vào nhiều phương tiện khai thác xa bờ trên địa bàn thành phố được đầu tư mới và thành phố cũng có nhiều chính sách hỗ trợ ngư dân vươn khơi đánh bắt ở các vùng biển xa.

Bảng 4: Đánh giá của ngư dân chất lượng máy móc, ngư lưới cụ và hiệu quả

ĐVT: %

TT	Chỉ tiêu	Đánh giá				
		Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất tốt
1	Chất lượng máy móc, tàu thuyền	3,07	10,96	28,07	48,68	9,21
2	Chất lượng ngư lưới cụ	2,64	9,69	20,26	47,58	19,82
3	Công nghệ khai thác	4,00	10,22	44,00	34,22	7,56
4	Công nghệ bảo quản	5,14	8,41	40,65	37,85	7,94
5	Hiệu quả kinh tế	2,21	19,03	40,27	32,74	5,75

Nguồn: Kết quả điều tra của ISSCR (2022)

Cơ sở hạ tầng nghề cá của thành phố Đà Nẵng được đánh giá có chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu của ngư dân trên địa bàn thành phố và ngư dân ở cả khu vực miền Trung. Đặc biệt, thành phố có trung tâm nghề cá lớn nhất khu vực miền Trung tại cảng Thọ Quang với cơ sở hạ tầng tốt, âu thuyền Thọ Quang đáp ứng được nhu cầu neo đậu, tránh trú bão cho đội tàu trong và ngoài thành phố. Cảng cá Thọ Quang và chợ đầu mối hải sản đặt ngay trong cảng đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân tiêu thụ sản phẩm cũng như cung ứng đầu vào cho các chuyến vươn khơi. Tuy nhiên, hiện nay khu vực âu thuyền đang quá tải vào mùa mưa bão do có rất nhiều phương tiện khai thác của các tỉnh trong khu vực cập cảng và tránh trú bão. Đồng thời, đây là chợ đầu mối thủy sản lớn nhất khu vực miền Trung và có nhiều doanh nghiệp chế biến thủy sản quy mô lớn, nên có rất nhiều tàu của nhiều địa phương khác cập cảng, bán các sản phẩm khai thác và chuẩn bị đầu vào cho các chuyến biển tiếp theo.

3. Một số khó khăn, thách thức trong phát triển bền vững ngành khai thác thủy sản thành phố Đà Nẵng

Thứ nhất, các phương tiện khai thác thủy sản gần bờ vẫn còn số lượng rất lớn, chiếm 59,4% tổng số phương tiện khai thác. Trong khi đó, nguồn lợi thủy sản ven bờ ngày càng suy giảm, cạn kiệt đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả khai thác, thu nhập và đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng ngư dân. Thành phố cũng đã triển khai thực hiện chương trình xả bản để giảm lượng phương tiện khai thác gần bờ. Tuy vậy, đến nay chính sách này tỏ ra không đạt hiệu quả do gặp khó khăn trong chuyển đổi ngành nghề cho ngư dân, đa số ngư dân đã quay trở lại khai thác gần bờ. Hiện nay, chính sách này đang được thành phố tạm dừng triển khai thực hiện.

Thứ hai, cơ sở hạ tầng nghề cá hiện nay đang chưa đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng ngư dân không chỉ của Đà Nẵng mà cả khu vực miền Trung. Mặc dù cảng cá, âu thuyền Thọ Quang được đặc biệt quan tâm đầu tư, nhưng vào mùa mưa bão hoặc vào mùa cao điểm vẫn đang quá tải đối với hoạt động của cảng cá này. Hiện nay, các hoạt động đầu tư, nâng cấp, mở rộng cảng Thọ Quang đang được thực hiện và cần phải sớm đẩy mạnh thực hiện đầu tư để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của ngư dân.

Thứ ba, nguồn lợi thủy sản suy giảm nghiêm trọng ở cả vùng biển xa bờ và gần bờ đang là thách thức lớn đối với cộng đồng ngư dân. Đặc biệt, sự phát thải của con người trong quá trình sản xuất kinh doanh và đời sống đã tác động rất mạnh đến nguồn lợi thủy sản ven bờ. Kết quả phân tích cho thấy, sản lượng khai thác không tăng, số phương tiện không tăng, nhưng công suất tăng mạnh cũng là chỉ báo rõ nét về sự giảm sút hiệu quả hoạt động đánh bắt của

ngư dân. Điều này đặt ra vấn đề đối với Đà Nẵng rằng, không quá tập trung phát triển số lượng đội tàu khai thác xa bờ mà nên hướng đến nâng cao hiệu quả đánh bắt cho đội tàu hiện hữu.

Thứ tư, các yếu tố đầu vào như vốn, lao động, công nghệ, giá nhiên liệu cũng tạo ra những khó khăn lớn đối với hoạt động khai thác thủy sản của cộng đồng ngư dân ven biển thành phố. Đặc biệt, các chủ tàu khai thác thủy sản xa bờ hiện đang gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm nguồn lao động đi biển, thậm chí phải sử dụng lao động ở nhiều địa phương, vùng, miền khác. Điều này đặt ra thách thức đối với tính bền vững trong phát triển nghề cá của thành phố trong trung và dài hạn.

5. Một số giải pháp phát triển bền vững ngành khai thác thủy sản thành phố Đà Nẵng trong thời gian đến

Một là, tiếp tục triển khai các biện pháp nhằm giảm mạnh các phương tiện khai thác gần bờ cũng như kiểm soát tốt hơn các phương tiện khai thác xa bờ. Việc khuyến khích chuyển đổi nghề nghiệp cho ngư dân, nhất là ngư dân gần bờ cũng phải được thực hiện phù hợp, hiệu quả. Đặc biệt, cần chú ý giúp ngư dân chuyển đổi sang các ngành nghề phi ngư nghiệp hoặc dịch vụ thủy sản hơn là thúc đẩy chuyển đổi theo hướng khai thác xa bờ. Trong đó, khuyến khích ngư dân chuyển đổi nghề nghiệp nhằm giảm mạnh hoạt động khai thác gần bờ, nhưng vẫn gắn với hoạt động từ thủy sản như du lịch, dịch vụ, vui chơi, giải trí gắn với biển, gắn với hoạt động khai thác giải trí.

Hai là, tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ ngư dân đổi mới và nâng cao năng lực công nghệ khai thác, ngư lưới cụ khai thác, công nghệ bảo quản, máy móc, thiết bị. Đây là hướng đi quan trọng để cải thiện thu nhập và phát triển bền vững ngành thủy sản thành phố. Cần chú trọng hỗ trợ ngư dân ứng dụng các công nghệ, máy móc thiết bị mới, hiện đại giúp cho nâng cao hiệu quả đánh bắt thủy sản như máy dò 360°, máy định vị - hải đồ, hệ thống đèn led, kỹ thuật khai thác mới, hệ thống bảo quản Nitơ, PU, máy móc thu thả lưới,... (Châu Ngọc Hòe và cộng sự, 2022). Ngoài ra, thành phố cần duy trì và tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ ngư dân hiện nay như hỗ trợ vốn, lao động, máy móc thiết bị, thị trường.

Ba là, tiếp tục phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá trên địa bàn thành phố theo hướng dịch vụ thu phí. Chú trọng đầu tư cảng cá Thọ Quang xứng tầm là trung tâm nghề cá, đặc biệt là hậu cần thủy sản cho cả khu vực miền Trung và cả nước. Tiếp tục phát triển đa dạng dịch vụ thủy sản gắn với khu vực cảng Thọ Quang và hướng đến mục tiêu đầu mối thủy sản cho cả khu vực miền Trung, cả nước và xuất khẩu.

Bốn là, tăng cường công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nhất là kiểm tra, giám sát các nguồn lợi thủy sản ven bờ. Đặc biệt, cần triển khai nhiều biện pháp cụ thể hơn, chế tài mạnh hơn đối với các hoạt động khai thác thủy sản trái phép, nhất là khai thác thủy sản hủy diệt. Nâng cao hơn nữa hoạt động tuần tra, tính kịp thời trong phát hiện và xử lý các vi phạm về hoạt động khai thác.

6. Kết luận

Ngành khai thác thủy sản trên địa bàn thành phố đã đạt được những bước phát triển quan trọng và đã đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế xã hội địa phương. Số lượng và công suất của các phương tiện khai thác không ngừng tăng lên, nhất là khai thác thủy sản xa bờ. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công, ngành khai thác thủy sản của thành phố vẫn còn đứng trước nhiều hạn chế, thách thức trong phát triển bền vững, nhất là vấn đề suy giảm

nguồn lợi thủy sản. Nghiên cứu này đã tập trung phân tích thực trạng phát triển ngành khai thác thủy sản thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua; đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển bền vững ngành khai thác thủy sản của thành phố trong thời gian tới: (i) Tiếp tục triển khai các biện pháp nhằm giảm mạnh các phương tiện khai thác gần bờ cũng như kiểm soát tốt hơn các phương tiện khai thác xa bờ; (ii) Tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ ngư dân đổi mới và nâng cao năng lực công nghệ khai thác, ngư lưới cụ khai thác, công nghệ bảo quản, máy móc, thiết bị; (iii) Tiếp tục phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá trên địa bàn thành phố theo hướng dịch vụ thu phí; (iv) Tăng cường công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nhất là kiểm tra, giám sát các nguồn lợi thủy sản ven bờ.

Ghi chú: Bài báo là sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố Đà Nẵng “Sinh kế bền vững cho cộng đồng ngư dân vùng ven biển thành phố Đà Nẵng trong bối cảnh mới”.

Tài liệu tham khảo

- Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2021). *Niên giám thống kê năm 2021*. Nxb Thống kê.
- Tổng cục Thống kê (2022). Số liệu thống kê. Truy xuất tại <http://www.gso.gov.vn>, ngày 01/11/2022.
- Châu Ngọc Hòe, Nguyễn Hoàng Yến (2022). Nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập ngư dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, số 4, tr 46-52.
- Châu Ngọc Hòe, Nguyễn Hoàng Yến (2021). Phát triển ngành khai thác thủy sản tỉnh Quảng Trị. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, số 5, tr35-43.
- Hoàng Hồng Hiệp, Châu Ngọc Hòe, Vũ Thái Hạnh (2018). Phát triển ngành khai thác thủy sản vùng bãi ngang ven biển tỉnh Quảng Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*.
- ISSCR (2022). Số liệu điều tra sơ cấp đề tài cấp thành phố “Sinh kế bền vững cho cộng đồng ngư dân vùng ven biển thành phố Đà Nẵng trong bối cảnh mới”. Đề tài cấp thành phố 2021-2023.